

CÔNG TY TNHH D10
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH D10

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: D10 COMPANNY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109780125

3. Ngày thành lập: 15/10/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số nhà 123, phố Bala, tổ 1, Phường Phú Lương, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0974 182 629

Fax:

Email: congytd10@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
2.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
3.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
4.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
5.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
6.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
7.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
8.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
9.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
10.	Thu gom rác thải độc hại	3812
11.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
12.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
13.	Tái chế phế liệu	3830
14.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
15.	Xây dựng nhà để ở	4101
16.	Xây dựng nhà không để ở	4102
17.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
18.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
19.	Xây dựng công trình điện	4221
20.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
21.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
22.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
23.	Xây dựng công trình thủy	4291

24.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
25.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
26.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
27.	Phá dỡ (Không bao gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom mìn)	4311
28.	Chuẩn bị mặt bằng (Không bao gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom mìn)	4312
29.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
30.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
31.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
32.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330(Chính)
33.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
34.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa (Trừ hoạt động của các đấu giá viên) - Môi giới mua bán hàng hóa	4610
35.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
36.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
37.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
38.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
39.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
40.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
41.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
42.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
43.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
44.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
45.	Bán buôn tổng hợp	4690
46.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
47.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
48.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
49.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
50.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
51.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Loại trừ kinh doanh tem, súng đạn, tiền kim khí, vàng miếng)	4773

52.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
53.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
54.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
55.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
56.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô	4933
57.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
58.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
59.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
60.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
61.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
62.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
63.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
64.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
65.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế kiến trúc công trình; - Thiết kế kết cấu công trình dân dụng- công nghiệp; - Thiết kế cơ điện công trình; - Thiết kế cấp thoát nước công trình; - Thiết kế xây dựng công trình giao thông; thiết kế xây dựng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật.	7110
66.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
67.	Quảng cáo	7310
68.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
69.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu	7490
70.	Cho thuê xe có động cơ Chi tiết: Cung cấp dịch vụ cho thuê xe máy và ô tô	7710
71.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
72.	Đại lý du lịch	7911
73.	Điều hành tua du lịch	7912
74.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
75.	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
76.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121

77.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt chi tiết: - Dịch vụ vệ sinh khu nhà và các công trình khác chưa được phân vào đâu. - Vệ sinh bên ngoài cho tất cả các công trình, bao gồm các văn phòng, nhà máy, cửa hàng, cơ quan và các khu nhà đa mục tiêu khác; - Dịch vụ vệ sinh chuyên nghiệp cho khu nhà như làm sạch cửa sổ, làm sạch ống khói hoặc vệ sinh lò sưởi, lò thiêu, nồi cất, ống thông gió, các bộ phận của ống	8129
78.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
79.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
80.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
81.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
82.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
83.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522

6. Vốn điều lệ: 1.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN VĂN NGHỊ	Việt Nam	P408 CT4 PCCC1 Complex, Phường Phú Lương, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	450.000.000	45,000	036082010089	
2	TRINH XUÂN ĐỨC	Việt Nam	Thôn Đông Ngoại, Phường Châu Giang, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam	550.000.000	55,000	035084003480	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRỊNH XUÂN ĐỨC

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 30/01/1984

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 035084003480

Ngày cấp: 09/02/2018

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư.

Địa chỉ thường trú: Thôn Đông Ngoại, Phường Châu Giang, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Đông Ngoại, Phường Châu Giang, Thị xã Duy Tiên, Tỉnh Hà Nam, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội